

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông  
thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Đăk Ruông**

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 02/4/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về ban hành quy định mức đạt chuẩn Bộ tiêu chí về: xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 và phân công đơn vị phụ trách tiêu chí;*

*Căn cứ đề nghị của UBND xã Đăk Ruông tại Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 30/12/2022 về việc đề nghị thẩm định, xét công nhận xã Đăk Ruông đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.*

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đăk Ruông; UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Đăk Ruông, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Vào ngày 22/02/2023.

**1. Về hồ sơ:** UBND xã Đăk Ruông đã phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đánh giá mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo đúng quy định.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Kon Tum tại Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 02/4/2022 của về việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022. Ngày từ đầu năm 2022, UBND huyện đã chỉ đạo Ban Chỉ đạo

các chương trình MTQG huyện, Văn phòng điều phối nông thôn mới, các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn địa phương tổ chức triển khai thực hiện<sup>(1)</sup>; phân công các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện phụ trách các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng kế hoạch thẩm tra<sup>(2)</sup> và thành lập Đoàn thẩm tra<sup>(3)</sup> đề nghị xét công nhận xã Đăk Ruồng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022.

**3. Xã Đăk Ruồng đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016** (*Tại Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc công nhận xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2016 theo Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới*).

#### **4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

##### **4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

###### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

###### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện:

+ Hiện nay quy hoạch nông thôn của xã được phê duyệt thời kỳ 2011-2020 vẫn cơ bản phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do vậy việc tiếp tục sử dụng đồ án quy hoạch nông thôn của xã cho đến khi có quy hoạch mới được phê duyệt là phù hợp theo quy định tại điểm b, c Điều 59 Luật quy hoạch năm 2017.

+ Bên cạnh đó tại địa bàn xã đã được UBND huyện Kon Rẫy thống nhất chủ trương lập Đồ án Quy hoạch nông thôn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2035 tại Công văn số 1484/UBND-TH ngày 07/12/2022.

---

<sup>(1)</sup> Công văn số 262/UBND-TH ngày 10/3/2022 của UBND huyện về tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND huyện về Tổ chức kiểm tra kết quả rà soát, đánh giá thực trạng triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; xã nông thôn mới kiểu mẫu; thôn nông thôn mới kiểu mẫu; thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào DTTS trên địa bàn các xã, thị trấn năm 2022...

<sup>(2)</sup> Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 10/01/2023 về Thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm định, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022.

<sup>(3)</sup> Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về thành lập Đoàn thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm định các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Đã được UBND huyện bố trí từ nguồn vốn Chương trình MTQG năm 2023, số tiền 400 triệu đồng.

**c. Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

## **4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 50%

- Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp.

+ Được cứng hóa và bảo trì hàng năm: 100%.

+ Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 50%

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp:  $\geq 85\%$ .

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 80%.

### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hoàn thiện hệ thống mốc lộ giới của các tuyến đường trục thôn, cắm biển báo giao thông, đầu tư hệ thống điện công lộ, đầu tư các trục đường đi khu sản xuất và trồng bổ sung hệ thống cây xanh các tuyến đường.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Cắm mốc lộ giới 04 tuyến trục thôn, Hoàn thiện hệ thống biển báo giao thông, đầu tư bổ sung 180 hệ thống điện công lộ, bê tông hóa 4,5Km đường trục nội đồng và trồng bổ sung thêm 1.500 cây xanh dọc các tuyến đường.

+ Có 04/04 tiêu chí đã đạt, có các hạng mục cần thiết theo quy định (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 26.531 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 2 về Giao thông

## **4.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:  $\geq 90\%$ .

- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq 20\%$ .

- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Thường xuyên kiểm tra và phối hợp quản lý vận hành các công trình thủy lợi, thường xuyên bảo trì và nạo vét hệ thống kênh mương đảm bảo tưới tiêu, thường xuyên kiểm kê kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, luôn luôn đảm bảo chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt 91,1% (566,5ha/622ha), tập trung vào diện tích lúa (vụ Mùa, vụ Đông Xuân) được tưới từ 03 công trình trên địa bàn xã, diện tích cây rau đậu các loại, cây lâu năm (cà phê, tiêu, cây ăn quả) được chủ động về nguồn nước tưới tiêu.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước chủ động đạt 92,96% (2,51ha/2,7ha), tập trung vào diện tích nuôi cá truyền thống.

+ Xã đã thành lập 03 tổ hợp tác dùng nước từ 03 công trình thủy lợi trên địa bàn xã với 218 thành viên/3 tổ, tổ hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND cấp xã nơi thành lập).

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt theo quy định, trong đó: diện tích cây lúa đạt 21,3% (57ha/267ha); diện tích cây trồng cận đạt 22,54% (64ha/284ha), tập trung vào diện tích cây cà phê, cây ăn quả, cây macca, cây mía.

+ Xã có 04 công trình thủy lợi (gồm: Hồ chứa Kon Bo Đeh, Hồ chứa Đăk Sơ Rệt, Đập Đăk Rơ Năng, Đập Đăk Toa), Các công trình do tỉnh quản lý, định kỳ hằng năm 100% số công trình thủy lợi nhỏ, kênh mương nội đồng đều được tổ chức nạo vét, phát dọn, bảo trì đảm bảo phục vụ cấp nước cho toàn bộ diện tích dùng nước từ các công trình.

+ Trên địa bàn xã không có nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

+ Xã Đăk Ruông đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Ban chỉ huy PCTT-TKCN&PTDS xã được thành lập và hoạt động có hiệu quả, có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương; thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định. Định kỳ hằng năm UBND xã, Ban chỉ huy PCTT-TKCN&PTDS xã đã xây dựng kế hoạch, chương trình, phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai đảm bảo theo quy định.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 25 triệu đồng/năm.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

#### 4.4. Tiêu chí số 4 về Điện

##### a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định  $\geq 98\%$ .

##### b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: UBND xã, các ngành đoàn thể thường xuyên phối hợp với ngành điện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Đầu tư mới lưới điện nông thôn của thôn 8, thôn 13, thường xuyên được kiểm tra.

+ Hiện nay, trên địa bàn xã có tổng số 1.029 hộ, đạt trên 98,7% hộ gia đình có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 1.500 triệu đồng.

c. **Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 4 về Điện

#### 4.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục

##### a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: 100%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 3.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2.

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

##### b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện:

+ Hiện nay trên địa bàn xã các đơn vị trường học đều đạt chuẩn cơ sở vật chất (trường TH Lê Quý Đôn, THCS Đắk Ruồng đạt mức độ 1, trường MN Ánh Dương đạt mức độ 2). Chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì và nâng cao hàng năm theo quy định, xã Đắk Ruồng đã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3, công tác xóa mù mức độ 2 đã được đảm bảo, trung tâm học tập cộng đồng xã luôn hoạt động có hiệu quả.

+ Các đơn vị trường có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền, đạt.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Xây mới 02 phòng học, nâng cấp sửa chữa 04 phòng học;

+ Có 01 trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 1.600 triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục.

#### **4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa**

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

##### ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hiện nay tiêu chí số 6 đã được đầu tư thực hiện các nội dung yêu cầu tiêu chí.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Đã lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng. Cụ thể: tại các điểm Nhà rông thôn 8; Trường THCS Đắk Ruồng, thôn 8; Nhà rông thôn 9; Nhà rông thôn 10; Nhà rông thôn 11 (Kon Tuh, Kon Bdeh); Nhà rông thôn 12 (Kon Slac); Nhà văn hóa thôn 14.

+ Có phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao phát triển mạnh, có thành tích: Xã đã tổ chức Hội thi Cồng chiêng, Xoang các dân tộc thiểu số xã Đắk Ruồng năm 2022 tại Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 10/5/2022 của UBND xã Đắk Ruồng.

+ Thành lập, duy trì hoạt động thường xuyên từ 03 câu lạc bộ trở lên trên địa bàn xã: Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND xã về việc thành lập Câu lạc bộ thể dục thể hình GYM ANH ĐỨC thôn 9, xã Đắk Ruồng; Quyết định số 19a/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND xã về việc thành lập Câu lạc bộ Cồng chiêng, xoang thôn 9 – Kon Srệt, xã Đắk Ruồng; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND xã về việc thành lập Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa Cồng chiêng của dân tộc GiơLâng, thôn 10 – Kon Skôi, xã Đắk Ruồng.

+ Xã có phòng đọc sách – báo cấp xã mở cửa phục vụ Nhân dân. Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin (*sách, báo, internet...*) cho Nhân dân đạt 500 lượt/năm: Xã có Trung tâm học tập cộng đồng do UBND xã quản lý trực tiếp và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

+ Xã tổ chức các giải thể thao cấp xã hoặc tham gia giải thi đấu cấp huyện: xã tổ chức Đại học thể dục thể thao xã Đăk Ruồng lần thứ IV, giải bóng chuyền chào mừng ngày Quốc khánh 02/9, tham dự Đại hội thể thao cấp huyện lần thứ IV (*Công văn số 130/UBND ngày 19/10/2022 về việc tham gia Hội thi các môn thể thao truyền thống huyện Kon Rẫy năm 2022*).

+ Tỷ lệ người tham gia thể dục, thể thao thường xuyên đạt 30,87% so với dân số toàn xã (*Báo cáo số 256/BC-BCĐ ngày 02/12/2022 của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” về kết quả Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn xã Đăk Ruồng năm 2022*).

+ Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng theo quy định: Di tích lịch sử Chiến thắng Kon Braih được kiểm kê, ghi danh, tu bổ (*Quyết định số 198/QĐ-CTUBND ngày 01/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh đối với Di tích lịch sử Cách mạng Chiến thắng Kon Braih*); Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện về việc thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: *Tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử Cách mạng Chiến thắng Kon Braih*) (Đạt).

+ Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện về việc công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa” năm 2022 tại xã Đăk Ruồng (07/07 thôn, đạt 100%)

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 375 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 6 về Văn hóa

#### **4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 Quyết định về việc hướng dẫn và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Đối với xã không có hoặc chưa có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao.

+ Không xem xét tiêu chí cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

#### **4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh  $\geq 55\%$ .

- Có dịch vụ báo chí truyền thông: Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ 90% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động tốt.

+ 100% số thôn, làng trong xã có bộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

+ Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm (ví dụ như: điểm bán sách, báo; thư viện; điểm BĐVH xã có cung cấp đọc sách, báo miễn phí....).

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%;

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt tối thiểu 80%.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 50%.

+ 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sản thương mại điện tử, trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội....

+ 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số (Nội dung theo Kế hoạch số 1164/KH-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Kon Tum).

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...):  $\geq 1$  điểm.

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Rà soát điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Tổ chức rà soát người dân sử dụng điện thoại thông minh, dịch vụ báo chí truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng trên địa bàn xã.

- Khối lượng đã thực hiện:



+ Điểm phục vụ bưu chính tại thôn 9, xã Đăk Ruông đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân (*Bản công bố hợp quy số 01/2018/BDVN-QLCL của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam*).

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn xã, kết quả 2.010/3.635 thuê bao đạt 55,3%.

+ Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông chưa đầu tư đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông tại xã Đăk Ruông – Dự kiến tháng 3/2023 hoàn thành (*Công văn số 2613/STTTT–HCTH ngày 27/12/2022 của Sở Thông tin & Truyền thông về việc phối hợp tiếp nhận, lắp đặt và quản lý khai thác sử dụng đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông năm 2022; Công văn số 1522/UBND-VX ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện về việc đầu tư, lắp đặt đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông; Công văn số 130/UBND-VX ngày 16/02/2023 của UBND huyện về việc đầu tư đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông*).

+ Xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành VNPTIOFFICE. Sản phẩm OCOP của xã đã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử của xã: Xã đã giới thiệu sản phẩm OCOP trên nền tảng sàn thương mại điện tử, trên Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội. Xã có 100% địa chỉ được gắn, cập nhật địa chỉ bưu chính: Thực hiện theo Công văn số 177/STTTT-BCVT&CNTT ngày 10/02/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông (*đến ngày 01/7/2023 đánh giá*).

+ Đã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng tại Nhà văn hóa Trung tâm xã Đăk Ruông.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 31,6 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt kết quả thực hiện tiêu chí

#### **4.9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  $\geq 85\%$ .

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Vận động nhân dân thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở khang trang sạch đẹp, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khối lượng đã thực hiện: Trên địa bàn xã, hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt tỷ lệ 89,7% (*1.175/1.312 căn nhà*).

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư

#### **4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)  $\geq 52$  triệu đồng/người.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch đầu tư tại văn bản số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2022. Tiến hành lập danh sách hộ gia đình trên địa bàn toàn xã (theo từng thôn); chọn hộ mẫu; điều tra phiếu từng hộ dân; tổng hợp toàn thôn, toàn xã.

- Khối lượng đã thực hiện: Thu thập thông tin 324 hộ mẫu; tổng hợp theo từng thôn, tổng hợp toàn xã. Hiện tại thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đạt 52,44 triệu đồng/người/năm.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập

**4.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều**

**a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 đạt <5%

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện:

+ Quyết định số 63/UBND ngày 24/11/2022 về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, năm 2022 trên địa bàn xã Đăk Ruông.

+ Tuyên truyền, vận động các hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo tăng cường lao động sản xuất, phát triển kinh tế để thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Khối lượng đã thực hiện: Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của xã được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo chuẩn đa chiều (trừ số hộ nghèo, cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động) đạt 4,99 %.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

**4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động**

**a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 75\%$

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 25\%$

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn  $\geq 10\%$

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện:

+ Triển khai phân loại từng đối tượng, thu thập, lưu trữ và tổng hợp thông tin thị trường lao động hàng năm trên địa bàn xã Đăk Ruông.

+ Danh sách phân loại từng đối tượng, biên bản thẩm định của phòng Lao động TB&XH huyện Kon Rẫy.

+ Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 29/11/2022 của UBND xã về việc thu thập, lưu trữ và tổng hợp thông tin thị trường lao động hàng năm trên địa bàn xã Đăk Ruông.

+ Tuyên truyền nhân dân tham gia các lớp đào nghề được mở trên địa bàn, vận cộn em sau khi tốt nghiệp THCS và PTTH không còn khả năng tham gia học chuyên nghiệp thì tham gia các lớp đào tạo nghề nông thôn trong và ngoài tỉnh.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cả nam và nữ) trên địa bàn xã là 2722 người đạt 74,88%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (áp dụng cả nam và nữ) 910 người đạt 25,03%.

+ Tỷ lệ lao động làm việc sản xuất nông nghiệp ngành kinh tế chủ lực chiếm tỷ lệ 69%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 12 về Lao động

#### **4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$  HTX.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  $\geq 1$  SP.

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$  MH.

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã  $\geq 1$

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 10\%$

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng  $\geq 1$  vùng.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)  $\geq 1$  MH.

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ các Hợp tác xã trên địa bàn tổ chức hoạt động có hiệu quả,

các chủ thể có sản phẩm đặc trưng tham gia chu trình OCOP, cấp mã số vùng trồng cho sản phẩm chủ lực của xã...

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Trên địa bàn xã có 01 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định (*HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên thành lập ngày 24/9/2020*).

+ Có 02 sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn cấp tỉnh năm 2021 và 2022 (Nước đóng chai EPIC Water và Hạt Macca Nhật Long).

+ Có 01 mô hình sản xuất kinh tế của Hộ kinh doanh Nhật Long Farm ứng dụng công nghệ cao, mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (*Có giấy chứng nhận ATTP do Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản Kon Tum cấp ngày 23/11/2022*).

+ Có liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ giống cây đàn hương gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm.

+ 01 sản phẩm có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (Hạt Macca Nhật Long).

+ Sản phẩm hạt Macca Nhật Long của hộ kinh doanh Nhật Long Farm hiện nay đã có mặt trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt 50%

- Trong năm 2022, xã có 01 sản phẩm chủ lực đã lập hồ sơ đăng ký cấp mã vùng đối với sản phẩm tiêu thụ nội địa, bao gồm: Cây Macca (10 ha) của Hộ kinh doanh Nhật Long Farm. Tuy nhiên, do UBND tỉnh chưa phân cấp cho cơ quan đầu mối cấp mã số vùng trồng đối với cây trồng tiêu thụ nội địa nên đến nay chưa được đoàn kiểm tra, cấp mã số vùng trồng. Vùng trồng đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm.

- Triển khai quảng bá hình ảnh di tích lịch sử Chiến thắng Kon Braih trên Trang thông tin điện tử của xã.

- Trên địa bàn xã có 01 mô hình chăn nuôi công nghệ cao của Trang trại chăn nuôi công nghệ cao (Phạm Thị Tuyền) và 01 mô hình trồng macca đảm bảo theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 50 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

#### **4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử  $\geq 70\%$

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Tiếp tục quan tâm chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, vận động nhân dân cũng hệ thống nhà vệ sinh nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là 95,52%.

+ Tỷ lệ người dân quản lý sức khỏe (áp dụng cả nam và nữ) đến thời điểm hiện tại chiếm lệ: 94,79%.

+ Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám bệnh từ xa (áp dụng cả nam và nữ): 95,52%

+ Tỷ lệ người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử chiếm lệ 94,79%

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không

***c. Tự đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 14 về Y tế

**4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện:

+ Triển khai thực hiện theo nội dung Công văn số 3069/VP-TTHCC ngày 17/8/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kon Tum.

+ Triển khai đến CBCC thực hiện việc giải quyết các Thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công tỉnh Kon Tum và dịch vụ công Quốc gia.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Về ứng dụng công nghệ thông tin:

\* Về cung cấp, sử dụng dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: UBND xã phát sinh 41/768 bản (đạt 5,33%/10% chỉ tiêu giao- đạt chỉ tiêu giao).

\* Về sử dụng dịch vụ công trực tuyến: tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 là 434/1308 hồ sơ đạt 33,18% (đạt chỉ tiêu giao).

\* Về số hóa hồ sơ: UBND xã đã chỉ đạo triển khai số hóa hồ sơ đảm bảo quy định, đến thời điểm hiện tại đã thực hiện là 31,16%.

\* Về tiếp nhận xử lý hồ sơ thủ tục hành chính thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: Hồ sơ được tiếp nhận qua hệ thống giải quyết TTHC.

+ Có dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 trở lên (*giữ nguyên theo Quyết định ban hành Bộ tiêu chí*).

\* Số lượng thủ tục hành chính đã đưa vào tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận một cửa xã là: 113 TTHC. Trong đó, thủ tục hành chính ở mức độ 3 là: 14/113 TTHC; mức độ 4 là: 45/113 TTHC, mức độ 2 là: 42/113 TTHC.

\* Số hồ sơ thủ tục hành chính đã phát sinh trực tuyến từ mức độ 3 trở lên là 288 hồ sơ/14 TTHC.

\* Số thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được công khai là 59 TTHC.

+ Giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Không phát sinh xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 15 về hành chính công

#### **4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận  $\geq 1$

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công  $\geq 90\%$

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu  $\geq 90\%$

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Thành lập mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tổng số thôn trên địa bàn là 07 thôn được thành lập 07/07 tổ hòa giải do chủ tịch UBND ra quyết định từ năm 2016. Tổng số hòa giải viên là 54 hòa giải viên trong đó Bí thư chi bộ, thôn trưởng, già làng, Chi hội trưởng hội phụ nữ, chi hội trưởng hội nông dân, chi hội trưởng hội cựu chiến binh, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư chi đoàn thôn; tổ hòa giải ở thôn 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 đạt chất lượng loại khá, không có tổ hòa giải nào xuất sắc, yếu kém.

+ Năm 2022 có 17/18 vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công, đạt tỷ lệ 94,44%.

+ 100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

+ Xây dựng mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả: 07 tổ hòa giải thành lập từ năm 2016.

+ Giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải. Hỗ trợ đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật

#### **4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định  $\geq 80\%$

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 30\%$

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 75\%$

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 5\%$

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:  $\geq 4m^2/người$ .

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  $\geq 50\%$

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hiện nay trên địa bàn xã thực hiện đảm bảo theo đúng quy định; không có tình trạng, vụ việc vi phạm xảy ra về các nội dung bảo vệ môi trường; Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Xã đã thực hiện các nội dung về môi trường đáp ứng được yêu cầu; Nghĩa trang Nhân dân đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch; tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt trên 70%; xã đã xây dựng mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn ở thôn 9, 12 và 13 với 750 hộ tham gia.

+ Trên địa bàn xã có Quy hoạch 01 Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung diện tích 2 ha (*chưa đi vào hoạt động*); các hoạt động chăn nuôi chủ yếu là chăn nuôi nông hộ (*89 hộ chăn nuôi; 01 cơ sở chăn nuôi quy mô lớn Phạm Thị Tuyền*) và 30 cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh môi trường và có cam kết chấp hành BVMT đạt 100%.

+ 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định, đạt 84,98% (*1.115 hộ/1.12 hộ*).

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả, đạt 41,9% (*550 hộ/1312 hộ*).

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 57,2% (*750 hộ/1312 hộ*).

+ 100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

+ Chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt 84,6% (*1110 hộ/1312 hộ*).

+ Tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã là 90 hộ, trong đó có 77 hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Các hộ chăn nuôi có bảng kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019. Trên địa xã có 01 trang trại (*Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao*) đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 26/04/2021.

+ Có 01 nghĩa trang nhân dân theo quy định; ở thôn 9, 12 và 13; có 70% hộ xử lý chất thải nhựa phát sinh theo quy định.

+ Hiện tại trên địa bàn xã Đăk Ruồng chưa có cơ sở hoả táng.

+ Tổng số người dân sống tại các điểm dân cư nông thôn là 5.734 người/5.789 người dân toàn xã; Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 24.500 m<sup>2</sup>; diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng đạt 4,3 m<sup>2</sup>/người.

+ 100% chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 75 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 17 về Môi trường an toàn thực phẩm



#### **4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 35\%$
- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm  $\geq 60$  lít
- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 25\%$
- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%.
- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Không.
- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 100%
- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch:  $\geq 80\%$
- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: 100%.

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Các công trình cấp nước tập trung thường xuyên được nâng cấp, cải tạo đảm bảo nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.
- Khối lượng đã thực hiện:
  - + Trên địa bàn xã Đăk Ruông có 05 công trình cấp nước tập trung nông thôn, cụ thể: CNSH Kon Nhên (Thôn 8), CNSH Kon Srệt (Thôn 9), CNSH Kon Srệt (Thôn 9), CNSH Kon Slac (Thôn 12); tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình CNTT đạt 45,98% (618 hộ/1.344 hộ).
  - + Sản lượng nước trung bình ngày-đêm đạt 97 m<sup>3</sup>; bình quân đầu người/ngày đêm đạt 69,35 lít/người/ngày đêm.
  - + 100% công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.
  - + 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.
  - + Trong năm 2022, trên địa bàn xã không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.
  - + Trên địa bàn xã Tân Lập có 01 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản (*Hộ kinh doanh Nhật Long Farm, địa chỉ: thôn 10*) được chứng nhận về an toàn thực phẩm, đạt 100%.
  - + Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 84,75%; Tỷ lệ hộ có thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 84,75%, Tỷ lệ hộ có nhà tiêu an toàn là 84,75% và đảm bảo 3 sạch 84,75%.

+ Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 97 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

#### **4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện:

+ UBND các xã đã xây dựng kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân năm 2022 và triển khai thực hiện.

+ Chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt quy chế, kế hoạch phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Hằng năm, Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân của xã ngày càng được nâng cao và được cấp trên công nhận, đánh giá;

+ Ban CHQS xã đã kiện toàn đúng, đủ các chức danh theo đúng cơ cấu, thành phần có đủ 04 chức danh (*Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, sỹ quan dự bị; Phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy đảm nhiệm; Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đảm nhiệm*).

+ Đã tổ chức xây dựng Chi bộ quân sự có Cấp ủy, duy trì hoạt động có nề nếp, hiệu quả theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương; cơ cấu thành phần đảng viên của Chi bộ gồm: Ban CHQS và các đồng chí đảng viên trong Trung đội Dân quân cơ động xã.

+ Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp đúng tổ chức biên chế có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; có 7/7 thôn có tổ chức Dân quân và tổ chức biên chế lực lượng Dân quân theo đúng Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

+ Trong năm lực lượng Dân quân được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng; trong năm, cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã được tập huấn 4/4 đồng chí tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum theo đúng kế hoạch của trên, cán bộ trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, thôn đội trưởng được tập huấn tại Ban CHQS huyện. Huấn luyện Dân quân năm thứ nhất 100% quân số, thời gian 15 ngày, Dân quân cơ động và các binh chủng bảo đảm 90% quân số huấn luyện, thời gian 12 ngày, Dân quân Tại chỗ 80% quân số huấn luyện, thời gian 7 ngày.

+ Không có công dân cư trú phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; Không để xảy ra hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; không để xảy ra hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng; Không để xảy ra tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; không để xảy ra hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; Không để xảy ra hoạt động ly khai, đòi tự trị.

+ Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 0,5% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước.

+ Tập thể Công an xã đạt danh hiệu: “Đơn vị quyết thắng” (có minh chứng kèm theo). Không có cán bộ, chiến sỹ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

+ Có mô hình camera an ninh (08 cái) và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả, xã Đăk Ruồng đã được Bộ Công an đưa ra khỏi danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự tại Quyết định số 5643/QĐ-BCA-V05 ngày 26/7/2022

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 120 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

## **6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

**6.1. Quan điểm:** Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của chính quyền địa phương, đoàn thể chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục tiêu, các giải pháp tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trên tinh thần dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ để tiếp tục phát triển các tiêu chí.

**6.2. Mục tiêu:** Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình phát triển các tiêu chí tiến tới thực hiện xây dựng xã Nông thôn mới kiểu mẫu. Nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần của người dân. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường, cảnh quan sáng, xanh, sạch, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, nâng cao chất lượng sống nhân dân.

### **6.3. Nội dung, giải pháp**

- Tiếp tục phát động phong trào toàn dân hưởng ứng xây dựng thôn, xóm văn minh, sạch đẹp; trong đó tổ chức tốt công tác thu gom, xử lý rác thải, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm; Vận động các hộ tự cải tạo, xây dựng, nâng cấp nhà ở đạt chuẩn, chỉnh trang tường rào, vườn tược; có ý thức bảo vệ môi trường chung, không xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Hàng tháng phát động nhân dân tham gia vệ sinh môi trường ở từng thôn, xóm.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất. Vận động nhân dân đầu tư máy móc, thiết bị để thực hiện tốt cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tổ chức sản xuất để nâng cao thu nhập, nhất là nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

- Huy động tối đa các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới: Nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, vốn huy động từ nhân dân, vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và vốn tín dụng.

- Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ tham gia trực tiếp chương trình.

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Hồ sơ minh chứng, các biểu mẫu, biên bản thẩm tra đánh giá tiêu chí từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao đảm bảo đúng quy định.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đăk Ruông đã được UBND huyện thẩm tra đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

- Đủ điều kiện đề nghị công nhận xã Đăk Ruông đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 theo đúng quy định.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:** Xã Đăk Ruông đã hoàn thành thanh quyết toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

**III. KIẾN NGHỊ:** UBMTTQVN huyện và các ngành Đoàn thể huyện tham gia ý kiến và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao để UBND huyện hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đề nghị UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định

công nhận, công bố xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao đề nghị xét, công nhận xã Đăk Ruông đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMT và các ngành đoàn thể huyện (p/h, t/h);
- UBND xã Đăk Ruông (th/h);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thủy**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN  
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2022  
ĐỐI VỚI XÃ ĐẮK RUỒNG, HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2023 của UBND huyện Kon Rẫy)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Đạt	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	≥50%	Đạt	Đạt	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100% ≥50%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥85%	Đạt	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥80%	Đạt	Đạt	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	Đạt	Đạt	
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥20%	Đạt	Đạt	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đạt	Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	Đạt	Đạt	

		5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Đạt	Đạt
5	Giáo dục	5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Đạt	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Đạt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Đạt	Đạt
		6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	Đạt
6	Văn hóa	6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	100%	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt
		8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	≥55%	Đạt	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	- Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội. - Xã có 100% địa chỉ được gán, cập nhật địa chỉ bưu chính (gắn với bản đồ V – MAP)	Đạt	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	≥1 địa điểm	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	85%	Đạt	Đạt

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người ( <i>triệu đồng/người</i> ) – <b>Năm 2022 <math>\geq 52</math></b>	$\geq 52$	Đạt	Đạt	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$\leq 5\%$	Đạt	Đạt	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	Đạt	Đạt	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	Đạt	Đạt	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 10\%$	Đạt	Đạt	
	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 1$	Đạt	Đạt	
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	$\geq 1$ sản phẩm	Đạt	Đạt	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 1$	Đạt	Đạt	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	$\geq 1$	Đạt	Đạt	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10$	Đạt	Đạt	
13	Y tế	13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	$\geq 1$	Đạt	Đạt	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	
	14	Hành chính công	13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	$\geq 1$	Đạt	Đạt
			14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Đạt	Đạt
			14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Đạt	Đạt
			14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	Đạt	Đạt
			14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	Đạt	Đạt
			15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Đạt
15	Tiếp cận pháp luật	15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt	
		16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	Đạt	Đạt	
16		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	Đạt	Đạt	



17	Môi trường và an toàn thực phẩm	16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Đạt	Đạt
		17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Đạt	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥80%	Đạt	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥30%	Đạt	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%	Đạt	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	Đạt	Đạt
		18	Chất lượng môi trường sống	17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (≥4m <sup>2</sup> /người)	Đạt
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%			Đạt	Đạt
18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥35%			Đạt	Đạt
18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥60 lít			Đạt	Đạt
18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥25%			Đạt	Đạt
18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%			Đạt	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Đạt	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Đạt

19	Quốc phòng và An ninh	18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥80%	Đạt	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Đạt	Đạt
		19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt